

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 129/2026/HNGĐ-ST

Ngày 09 – 6 – 2026

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

Ông Võ Sĩ Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quốc Nin – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1650/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Diễm P, sinh năm 1976; Căn cước công dân số 096176011019 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: số A, đường L, khóm E, phường A, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Võ Đại H, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: số E, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Bùi Thị Diễm P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Đại H sống chung như vợ chồng vào năm 2011, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Chị xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn anh H.

Về con chung: Chị xác định có 01 con chung tên Võ Đại L, sinh ngày 17/12/2012, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị P yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

- Tại bản tự khai, biên bản làm việc, anh Võ Đại H trình bày:

Về thời gian chung sống vợ chồng và không đăng ký kết hôn đúng như chị P trình bày, vợ chồng sống không hợp nhau và anh chị đã ly thân 02 năm, nay chị P yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định có 01 con chung tên Võ Đại L, sinh ngày 17/12/2012, hiện đang sống với chị P. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai không nợ ai và cũng không ai nợ lại anh chị.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thị Diễm P và anh Võ Đại H là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Võ Đại L, sinh ngày 17/12/2012 cho chị Bùi Thị Diễm P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có. Án phí xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Diễm P, anh Võ Đại H có yêu cầu xin vắng mặt hòa giải, xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Diễm P và anh Võ Đại H chung sống như vợ chồng vào năm 2011, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị P, anh H xác định có 01 con chung tên Võ Đại L, sinh ngày 17/12/2012, hiện đang sống với chị P. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao con chung cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện cháu L đang sống cùng chị P, anh chị thống nhất giao con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng và nguyện vọng cháu L muốn sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu L cho chị P nuôi dưỡng. Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh H, chị P xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh chị khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra giải quyết.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thị Diễm P và anh Võ Đại H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Võ Đại L, sinh ngày 17/12/2012 cho chị Bùi Thị Diễm P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Đại H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Bùi Thị Diễm P phải chịu 300.000đ. Ngày 14 tháng 4 năm 2026, chị P đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0004011 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)
Lê Thị Thu